

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày: 24-4-2025

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Th.

2. Bà Nguyễn Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 205/2024/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh LA.

2. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T:* Bà Trần Mộng H – Luật sư thuộc văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh L.

3. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh LA.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T và ông Phan Văn T1 có mối quan hệ quen biết. Ông Nguyễn Thanh T có cho ông T1 vay tiền nhiều lần, lãi suất theo thỏa thuận. Ngày 23/5/2024 sau khi hai bên tính toán thì thống nhất ông T1 còn nợ ông T là

800.000.000 đồng. Ông T1 có viết hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 23/5/2024 và cam kết đến ngày 23/7/2024 sẽ trả hết gốc và lãi. Tính đến ngày 23/10/2024 ông T1 trả được nợ gốc là 464.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 336.000.000 đồng, nợ lãi 5 tháng chưa thanh toán là 33.200.000 đồng, tính theo lãi suất 0,83%/tháng.

Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ông Phan Văn T1 có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 336.000.000 đồng và tiền nợ lãi 5 tháng chưa thanh toán là 33.200.000 đồng, tiền lãi từ 24/10/2024 đến 20/12/2024 là 1 tháng 26 ngày $\times 0,83\%/tháng = 5.205.000$ đồng, tổng cộng tính đến ngày khởi kiện là 374.405.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Phan Văn T1 vắng mặt.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

Ông T xác định yêu cầu khởi kiện là buộc ông T1 trả tiền gốc là 336.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính lãi. Ông T yêu cầu trả một lần.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T nêu ý kiến việc ông T cho ông T1 vay tiền là có thật, ông T1 cũng thừa nhận, ông T thay đổi không yêu cầu tính lãi là tự nguyện. Ông T yêu cầu tính lãi chậm trả nêu ông T1 chậm trả.

Ông Phan Văn T1 thừa nhận có vay tiền ông T như ông T trình bày. Ông T1 còn nợ số tiền gốc 336.000.000 đồng. Về lãi suất thì ông T1 xác định phải trả lãi cho ông T 10.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Nay ông T1 đồng ý trả số tiền gốc 336.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi do đã trả lãi quá nhiều. Ông T1 xin trả dần số tiền 336.000.000 đồng, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Ông T, ông T1 đồng ý công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Ông Phan Văn T1 cư trú tại khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh LA. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu trả nợ gốc: Ông T khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền thể hiện ông T1 vay ông T số tiền 800.000.000 đồng. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay là từ ngày 23/5/2024 đến 23/7/2024. Ông T xác định ông T1 còn nợ số tiền gốc 336.000.000 đồng, ông T1 thừa nhận và đồng ý trả. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở xác định ông T1 có xác lập với ông T hợp đồng

vay tài sản có kỳ hạn có lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T về nợ gốc số tiền 336.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu trả nợ lãi:* Ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu tính lãi nên tòa án không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T1 có trách nhiệm trả nợ vay gốc là 336.000.000 đồng.

[5] Về việc ông Phan Văn T1 xin trả dần, ông Nguyễn Thanh T không đồng ý. Do pháp luật không quy định về việc trả nợ dần nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] *Về án phí:*

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp.

Ông Phan Văn T1 phải chịu án phí là: 336.000.000 đồng x 5% = 16.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Thanh T đối với ông Phan Văn T1, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 336.000.000 (ba trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lỗi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí 9.360.000 (chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002760 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

3.2. Ông Phan Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ngàn) đồng.

4. Ông Nguyễn Thanh T và ông Phan Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CC.THADS thị xã K;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L